

Số: 23/2021/DS-ST

Ngày 20-9-2021.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.

2. Bà Phạm Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Ngọc L**, sinh năm 1972 và bà **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Số nhà 307 Quốc lộ 20, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Tạ Văn T**, sinh năm 1987 và chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Số 123/105 M, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Ngọc L và bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau được gần một năm. Ngày 30/6/2021 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng anh Tạ Văn T, sinh năm 1987, chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991, đều trú tại: Số nhà 123/105 M, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vay số tiền 3.160.000.000đ (ba tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay tới ngày 05/7/2021 trả trước 600.000.000đ, số tiền còn lại 2.560.000.000đ đến ngày 10/7/2021 phải trả hết, vợ

chồng anh T, chị T có viết giấy mượn tiền. Đến ngày 20/7/2021 vợ chồng anh T, chị T đã trả được 836.000.000đ, còn nợ số tiền 2.324.000.000đ.

Ngày 16/8/2021 Tòa án đã tiến hành hòa giải thành, vợ chồng anh T, chị T đồng ý trả nợ tiền gốc là 2.324.000.000đ (hai tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật được tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày 26/7/2021 là 17 ngày x 2.324.000.000đ x 0,83% = 10.930.500đ, tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 2.334.930.500đ (hai tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi ngàn, năm trăm đồng), trả nợ chia thành 04 lần: Lần thứ nhất ngày 23/8/2021 trả số tiền 500.000.000đ, lần thứ hai ngày 30/8/2021 trả số tiền 500.000.000đ, lần thứ ba ngày 06/9/2021 trả số tiền 500.000.000đ, số tiền còn lại 834.930.500đ đến ngày 06/10/2021 trả hết nợ.

Ngày 23/8/2021 vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn trình bày thay đổi ý kiến về việc thỏa thuận ngày 16/8/2021.

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 2.324.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 10/7/2021 đến nay là 02 tháng 10 ngày là 45.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi suất là 2.369.000.000đ.

Yêu cầu tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Minh Tâm trình bày:*

Vợ chồng anh chị thống nhất và thừa nhận, ngày 30/6/2021 có vay của vợ chồng ông Bùi Ngọc L và bà Trần Thị Ngọc T số tiền 3.160.000.000đ (ba tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay tới ngày 05/7/2021 trả trước 600.000.000đ, số tiền còn lại 2.560.000.000đ đến ngày 10/7/2021 phải trả hết, vợ chồng anh chị có viết giấy mượn tiền. Đến ngày 20/7/2021 vợ chồng anh chị đã trả được số tiền 836.000.000đ, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chị chưa trả được số tiền còn nợ lại là 2.324.000.000đ.

Nay vợ chồng ông L, bà Tyêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh chị có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 2.324.000.000đ (Hai tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật được tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày 26/7/2021 là 01 tháng 29 ngày x 2.324.000.000đ x 0,83% = 37.935.400đ, thì vợ chồng anh chị đồng ý trả nợ và chia thành 04 lần: Lần thứ nhất ngày 23/8/2021 trả số tiền 500.000.000đ, lần thứ hai ngày 30/8/2021 trả số tiền 500.000.000đ, lần thứ ba ngày 06/9/2021 trả số tiền 500.000.000đ, số tiền còn lại 834.930.500đ đến ngày 06/10/2021 trả hết nợ.

Ngày 23/8/2021 vợ chồng anh chị có đơn trình bày thay đổi ý kiến về việc thỏa thuận ngày 16/8/2021, với lý do là không thể thu xếp trả nợ được như biên bản hòa giải thành.

+ *Các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ các bên thống nhất:*

Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận số tiền còn nợ gốc là 2.324.000.000đ, vay có lãi suất và tài liệu, chứng cứ là: Giấy mượn tiền ghi ngày 30/6/2021.

+ Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Kiểm sát viên không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 2.324.000.000đ và lãi suất là 45.000.000đ. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 79.380.000đ. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo cho việc thi hành án. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện tại Chương III Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Nguyên đơn ông Bùi Ngọc L, sinh năm 1972, bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1975 và bị đơn anh Tạ Văn T, sinh năm 1987, chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 có xác lập giao dịch là hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2021. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định: Quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Bị đơn anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự

1.3. Ngày 16/8/2021 Tòa án tiến hành lập biên bản hòa giải thành nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận có nội dung như sau: Vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T số tiền 2.334.930.500đ (hai tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 2.324.000.000đ, lãi suất 10.930.500đ, trả nợ thành 04 lần: Lần thứ nhất ngày 23/8/2021 trả số tiền 500.000.000đ, lần thứ hai ngày 30/8/2021 trả số tiền 500.000.000đ, lần thứ ba ngày 06/9/2021 trả số tiền 500.000.000đ, số tiền còn lại 834.930.500đ đến ngày 06/10/2021 trả hết. Án phí: Các đương sự thỏa thuận bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 39.349.305đ (ba mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm lẻ năm đồng).

Ngày 23/8/2021 vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn trình bày thay đổi ý kiến về việc thỏa thuận ngày 16/8/2021, với lý do là không thu xếp được việc trả nợ theo biên hòa giải thành. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác lập giao dịch dân sự với nhau vào ngày 30/6/2021 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 2.324.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 30/6/2021 vợ chồng ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T cho vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 3.160.000.000đ (ba tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay tới ngày 05/7/2021 trả trước 600.000.000đ, số tiền còn lại 2.560.000.000đ đến ngày 10/7/2021 phải trả hết, vợ chồng anh T, chị Tâm có viết giấy mượn tiền. Đến ngày 20/7/2021 vợ chồng anh T, chị T đã trả được 836.000.000đ, còn nợ lại số tiền 2.324.000.000đ.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ...mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, vợ chồng ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T có cho vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 3.160.000.000đ, đã trả được 836.000.000đ và còn nợ lại số tiền 2.324.000.000đ là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 10/7/2021 cho đến nay của nguyên đơn ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T đối với bị đơn vợ chồng anh Tạ Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vay tiền có lãi suất được áp dụng là 0,83%/tháng. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất như sau: Từ ngày 10/7/2021 đến ngày 20/9/2021 là 02 tháng 10 ngày $\times 0,83\% \times 2.324.000.000đ = 45.008.000đ$, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 45.000.000đ. Vì vậy, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi suất này là phù hợp.

[5] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T.

[6] Ngày 27/7/2021 nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ (là anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T) theo khoản 11 Điều 114 và Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự đối với tài sản gồm: Diện tích đất 1.280m² (trong đó có 100m² đất ở và 1.180m² đất nông nghiệp), thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất tại phường 2, thành phố B, theo giấy chứng nhận QSD đất số AK 813387 do UBND thị xã Bảo Lộc (nay là Tp.

B), tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/10/2007 đứng tên anh Tạ Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngày 28/7/2021 ông L, bà T đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 04/2021/QĐ-BPBD.

Ngày 29/7/2021 Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ nên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu số tiền 2.369.000.000đ (hai tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu đồng), theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu từ trên 2.000.000.000đ đến 4.000.000.000đ là 72.000.000đ + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 2.000.000.000đ là 79.380.000đ (bảy mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T. Buộc bị đơn vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T số tiền 2.369.000.000đ (hai tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc 2.324.000.000đ, lãi suất 45.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, về: Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện tại Chương III Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn vợ chồng anh Tạ Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 79.380.000đ (bảy mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Bùi Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.407.000đ (ba mươi chín triệu, bốn trăm không bảy ngàn đồng), theo biên lai số AA/2016/0019183 ngày 26/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công